

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/DS-ST

Ngày: 16-01-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Minh

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Trần Khắc Huy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 577/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị N sinh năm: 1949

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Kim T sinh năm: 1969

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

(Bà N có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2023, biên bản hòa giải ngày 13 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày: Do quên biết nên vào ngày 24 tháng 7 năm 2018 bà có cho bà Nguyễn Kim T vay số tiền 5.000.000 đồng, khi vay bà T có làm biên nhận cho bà, hứa khi nào cần thì bà T sẽ trả tiền lại cho bà. Sau đó, bà có nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền cho bà nhưng bà T không trả. Nay bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi của số tiền 5.000.000 đồng theo mức lãi suất do nhà nước quy định từ ngày 24 tháng 7 năm 2018 đến ngày xét xử, yêu cầu trả làm 01 lần.

Tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Kim T trình bày: Vào năm 2018 bà có vay bà

Nguyễn Thị N số tiền 10.000.000 đồng, có làm biên nhận, lãi suất 600.000 đồng/tháng, trả lãi suất được hơn 01 năm. Đến khoảng năm 2019 bà hốt hụi được nên đã trả cho bà N hết 10.000.000 đồng. Đối với biên nhận ngày 24 tháng 7 năm 2018 do bà viết và ký tên. Do đã trả xong cho bà N 10.000.000 đồng nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa bà Đỗ Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, bà Nguyễn Kim T đã được Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tiền Giang triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T là phù hợp Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đỗ Thị N khởi kiện bà Nguyễn Kim T về việc vay tiền, bà T cư trú tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đỗ Thị N yêu cầu bà Nguyễn Kim T trả tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung: Giữa bà Đỗ Thị N và bà Nguyễn Kim T thực tế có xảy ra quan hệ vay tài sản với nhau được hai bên thừa nhận, thể hiện qua “văn bản mượn tiền” ngày 24 tháng 7 năm 2018 do bà N cung cấp, có chữ ký tên của bà T. Văn bản mượn tiền có nội dung: “...Nguyễn Kim T Em có mượn của chị là 5.000.000 đồng 10 ngày em đóng tiền lời 1 lần...”. Tại phiên tòa bà T vắng mặt nhưng tại Biên bản hòa giải bà T thừa nhận biên nhận bà N cung cấp là do bà viết và ký tên, thừa nhận có vay bà N 10.000.000 đồng nhưng đã trả hết số tiền 10.000.000 đồng cho bà N nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu bà N. Xét thấy, bà T trình bày đã trả hết số tiền 10.000.000 đồng cho bà N nhưng bà T không có cung cấp chứng cứ gì về việc đã trả cho bà N 10.000.000 đồng và bà N cũng xác định bà T chưa trả cho bà N 10.000.000 đồng nên xác định bà T còn nợ bà N 5.000.000 đồng là có cơ sở. Bà T đã nhận được quyền của mình là nhận tiền vay đầy đủ từ bà N nhưng bà T lại không thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận mà cứ hẹn lần mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ là cố tình kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Do đó, cần buộc ông bà T phải có nghĩa vụ trả bà N số tiền vay còn nợ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) là phù hợp điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Bà Đỗ Thị N yêu cầu bà Nguyễn Kim T trả lãi của số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 24 tháng 7 năm 2018 đến khi xét xử với mức lãi suất theo quy định, bà T không đồng ý trả lãi theo yêu cầu bà N. Xét thấy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên phải trả lãi theo yêu cầu bà N là phù hợp Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015. Như vậy, lãi suất của

số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 24 tháng 7 năm 2018 đến ngày xét xử ngày 16 tháng 01 năm 2024 là 65 tháng 23 ngày, số tiền là 2.729.309 đồng.

[5] Tổng cộng tiền vốn và lãi bà Nguyễn Kim T phải trả cho bà Đỗ Thị N 01 lần là 7.729.309 đồng (bảy triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm lẻ chín đồng).

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Đỗ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí và yêu cầu khởi kiện của bà N được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N.

1.1 Buộc bà Nguyễn Kim T phải có nghĩa vụ trả bà Đỗ Thị N số tiền vay còn nợ vốn lãi tổng cộng là 7.729.309 đồng (bảy triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm lẻ chín đồng), trả làm 01 lần.

1.2 Kể từ ngày bà Đỗ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Kim T chậm thi hành đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 386.465 đồng (ba trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng).

2.2 Bà Đỗ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí và yêu cầu khởi kiện của bà N được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với bà Nguyễn Kim T thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

